

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 93/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Tổ 6, ấp 4, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 76, Khu phố 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 150, ngày 21/11/2011.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân do ông T ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, gia đình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã phát sinh từ năm 2012 nhưng vì muốn con có đầy đủ cha mẹ nên bà L đã nhiều lần cho ông T cơ hội sửa đổi để gia đình đoàn tụ nhưng ông T vẫn ham mê cờ bạc nhiều lần lấy tiền nhà đi đánh bạc để bà L phải trả nợ thay. Hiện nay, bà L và ông T đã không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Minh T.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh ngày 15/7/2012 và Lê Minh N, sinh ngày 22/6/2014. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Nguyên nhân do ông T thường đi làm ăn xa, ít có thời gian về thăm vợ con. Ông T không có đánh đập vợ con. Ông T vẫn còn thương yêu vợ con, muốn gia đình được đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh ngày 15/7/2012 và Lê Minh N, sinh ngày 22/6/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi con, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Lê Minh T giữ nguyên quan điểm, không đồng ý ly hôn với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia

tổ tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con đối với ông Lê Minh T. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông T đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/11/2011, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà L xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân do ông T ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, gia đình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã phát sinh từ năm 2012 nhưng vì muốn con có đầy đủ cha mẹ nên bà L đã nhiều lần cho ông T cơ hội sửa đổi để gia đình đoàn tụ nhưng ông T vẫn ham mê cờ bạc nhiều lần lấy tiền nhà đi đánh bạc để bà L phải trả nợ thay. Hiện nay, bà L và ông T đã không còn chung sống với nhau. Theo kết quả xác minh tại nơi bà L và ông T chung sống thể hiện: Ông T và bà L đã không còn chung sống với nhau. Bà L đã chuyển về huyện Củ Chi sinh sống. Ông T xác định quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, không đến mức phải ly hôn. Ông T vẫn còn thương yêu vợ con, muốn gia đình được đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với bà L. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Ông T không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con, mà ham mê cờ bạc, hai vợ chồng không cùng chia sẻ, quan tâm chăm sóc gia đình. Hiện tại, ông T và bà L đã không còn chung sống với nhau. Đồng thời, ông T và bà L cũng không có cách thức hay hành động nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh ngày 15/7/2012 và Lê Minh N, sinh ngày 22/6/2014. Xét thấy, khi ly hôn bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con, ông T cũng thống nhất để bà L được trực

tiếp nuôi 02 con. Ngoài ra, cháu Thảo đang sống cùng bà L và có nguyện vọng được sống chung với bà L, cháu Nhựt còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, yêu cầu của bà L về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng; ông T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Lê Minh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Minh T.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh ngày 15/7/2012 và Lê Minh N, sinh ngày 22/6/2014.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034493 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung